

Bình Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2025

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN CÔNG KHAI
TRONG TRƯỜNG MẦM NON NĂM HỌC 2025 - 2026
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC MẦM NON:

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	98%	98%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN có ứng dụng PPGD tiên tiến Steam	100% trẻ được giáo dục theo chương trình chăm sóc GDMN có ứng dụng PPGD tiên tiến Steam
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	98 %	98 %
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đảm bảo 100%	Đảm bảo 100%

B. CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC MẦM NON:

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	402			60	82	131	129
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	402			60	82	131	129

III	Số TE được kiểm tra định kỳ sức khỏe	402			60	82	131	129
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	402			60	82	131	129
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>	381			59	77	124	121
2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	15			1	4	5	5
3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>	388			58	80	127	123
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>	14			2	2	4	6
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>	6				1	2	3
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	402			60	82	131	129
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	60			60			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	342				82	131	129

C. CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
I	Tổng số phòng	27	-
1	Loại phòng học	16	2,48 m ² /trẻ em
2	Phòng giáo dục nghệ thuật	1	-
3	Phòng giáo dục thể chất	1	-
4	Phòng hội đồng	1	-
5	Phòng hiệu bộ, Y tế, vi tính, thư viện, hành chính quản trị ...	8	-
II	Số điểm trường	2	-
III	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	7.730	19,2 m ² /trẻ em
IV	Tổng diện tích sân chơi (m²)	5,930	14,7 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích một số loại phòng		-
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1.000	2,48 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	-
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	192	0,47 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	300	0,75 m ² /trẻ em
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	100	-

VI	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	402	402/16 lớp
VII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy in)	13	-
1	Máy vi tính dành cho CB,GV,NV	12	-
2	Máy tính trẻ em	0	
3	Máy chiếu	1	
4	Máy in		
VIII	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Nhạc cụ (Đàn organ)	12	-
2	Ti vi	15	
3	Máy photo	0	-
4	Đầu Video/đầu đĩa	12	-
5	Điều hòa	31	
6	Đồ chơi ngoài trời (loại)	10	-
7	Bàn ghế đúng quy cách (bộ)	220	-
8	Thiết bị, đồ chơi tự làm (bộ)	300	-

		Số lượng (m²)				
IX	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	4	0	0	0	292
					Có	Không
X	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XII	Kết nối internet (ADSL)				x	
XIII	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				x	
XIV	Tường rào xây				x	

D. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN:

S TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CĐ	TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	52	0	39	5	8		28	13	24	17	0	0
I	Giáo viên	38										0	0
1	Nhà trẻ	9		8	1			9		5	4	0	0
2	Mẫu giáo	29		27	2			19	10	16	13	0	0
II	Cán bộ quản lý	3											
1	Hiệu trưởng	1		1					1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2				1	1	2			
III	Nhân viên	11											
1	Nhân viên văn thư	0											
2	Nhân viên kế toán	0											
3	Thủ quỹ	0											
4	Nhân viên y tế	1				1							
5	Nhân viên phục vụ	1		1									
6	Nhân viên nuôi dưỡng	9			2	7							

Trên đây là bản cam kết về việc thực hiện ba công khai của trường MN Cao Viên II năm học 2025 - 2026. Rất mong được sự phối kết hợp và tạo điều kiện của các bậc phụ huynh trong toàn trường để giúp cho nhà trường thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH xã Bình Minh(để b/c);
- Trường MN Cao Viên II(để t/h);
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh